

Bản án số: 25/2023/HC-PT

Ngày: 12 - 01 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về  
việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái  
định cư.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trí Tuấn;

Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 595/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2200/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1/. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1964.

2/. Bà Đặng Thị Hồng L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: đường Tr, phường Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Thái Văn A, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: ấp II, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Người bị kiện:**

1/. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (có mặt)

Địa chỉ: đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện: Ông Huỳnh Văn Đ – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1954. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã D1, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Minh V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Bà Võ Thị V, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã D1, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện người khởi kiện ông Thái Văn A trình bày:*

Vào năm 1990, vợ chồng ông theo chủ trương của Đảng và nhà nước ra huyện P để giảng dạy, thời điểm này huyện P thiếu giáo viên rất nhiều. Ông và vợ đều là giảng viên được phân công giảng dạy tại trường cấp II-III A, P. Đến năm 1991, vợ chồng có xin khai khẩn đất theo chủ trương Nhà nước để phục vụ lâu dài cho huyện đảo. Vợ chồng ông đăng kí và khai khẩn đất hoang với diện tích 56.000m<sup>2</sup> tại ấp Đ, xã D1, huyện P, tỉnh Kiên Giang, thửa đất được vợ chồng trồng nhiều loại cây ăn trái, đào ao nuôi cá và xây dựng một căn nhà trên đất để sinh sống.

Việc canh tác trồng trọt và chăn nuôi ngày càng bệ bộn nên vào năm 1994, vợ chồng ông có rước cậu mợ là vợ chồng ông Lê Hoàng K cùng một số anh em bà con trong quê Bến Tre ra làm việc trên rẫy phụ giúp vợ chồng ông.

Đến ngày 05/02/1996, UBND huyện P đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Ch theo giấy số 100724/QSD-12. QĐ/PQ, tờ bản đồ số 10, thửa 05, diện tích 56.000m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng nông nghiệp, tại ấp Đ, xã D1, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Qua nhiều năm làm ăn không hiệu quả, kinh tế khó khăn không có tiền trả khoản vay Ngân hàng để đầu tư vào đất nên vào ngày 31/5/2002 vợ chồng ông đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ch với diện tích 29.999,3m<sup>2</sup>. Sau khi chuyển nhượng phần đất của cho ông Chèo, vợ chồng ông còn lại 26.000,7m<sup>2</sup>.

Do thời điểm này ông bị bệnh phải về đất liền điều trị bệnh lâu dài nên nhờ ông Lê Hoàng K quản lý trông coi phần đất của ông. Để tiện cho việc quản lý ông đã làm giấy ủy quyền cho ông Lê Hoàng K sử dụng diện tích đất của ông. Những năm qua, vợ chồng ông cứ tin tưởng ông K trông giữ đất dùm. Tuy nhiên, đến năm 2018 mới nghe tin phần đất của ông nằm trong dự án nhà nước thu hồi đất. Từ đó, mới liên hệ ông K, UBND xã D1, Phòng Tài nguyên và Môi trường để hỏi thăm sự việc. Ngày 09/11/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P đã có Văn bản số 779/TNMT-VP xác nhận: Ông Nguyễn Văn Ch đã được cấp giấy chứng nhận vào sổ số I00724.QĐ/PQ, ngày 05 tháng 02 năm 1996, diện tích 56.000m<sup>2</sup>, loại đất lâu năm khác, thời gian sử dụng 50 năm, tại ấp Đ, xã D1, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo sơ đồ đo đạc theo Chỉ thị 14/UB-CT ngày 20/8/1992 của UBND tỉnh Kiên Giang: chiều ngang giáp lộ 280m; theo sơ đồ lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cung cấp thì năm 2002 ông Ch tách thửa chuyển quyền sử dụng cho Nguyễn Văn Ch diện tích 29.999,3m<sup>2</sup> (174m chiều ngang x 172,41m chiều sâu) đã được UBND chấp thuận số 112/D-UB ngày 30/5/2002 và đã chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 31/5/2002.

Theo văn bản số 234/UBND-NCPC ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời đơn và hướng dẫn ông Nguyễn Văn Ch đã thể hiện: Ngày 31/8/2006, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2459/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 47.371,63m<sup>2</sup> đối với ông Nguyễn Văn Ch để thực hiện Dự án tái định cư tại ấp S, xã D1, nhưng thực tế sơ đồ đo đạc phương án thể hiện tên ông Lê Hoàng K với diện tích 52.640m<sup>2</sup>, đến nay ông Ch chưa nhận tiền bồi thường. Ngày 01/7/2013, UBND huyện P ban hành Quyết định số 3691/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.518,2m<sup>2</sup> đối với ông Lê Hoàng K để thực hiện dự án khu quy hoạch xây dựng đường trục Nam – Bắc đoạn A – D. Ngày 19/6/2013, UBND huyện P ban hành Quyết định số 3094/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường hỗ trợ tái định cư cho ông K với số tiền 789.464.000đ. Đồng thời, văn bản còn trả lời trường hợp khiếu nại của gia đình ông không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện P.

Từ việc diện tích đất của ông bị thu hồi nhưng UBND huyện P không giao thông báo thu hồi đất cũng như quyết định thu hồi đất cho vợ chồng ông nên vợ chồng ông đã khiếu nại đến UBND huyện P nhưng không được giải quyết nên vợ chồng ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 234/UBND-NCPC ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện P, hủy Quyết định 2459/QĐ-UBND, ngày 31/8/2006 về việc thu hồi diện tích đất 47.371,63m<sup>2</sup> đối với ông Nguyễn Văn Ch để thực hiện dự án tái định cư tại ấp S, xã D1, hủy Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi diện tích đất 1.518,2m<sup>2</sup> đối với ông Lê Hoàng K, hủy Quyết định 3094/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông K.

Tại biên bản đối thoại ngày 07/01/2022, ông Thái Văn A đại diện cho ông Ch, bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu đối với yêu cầu hủy Công văn số 234/UBND-NCPC ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện P, rút yêu cầu đối với hủy Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của

UBND huyện P về việc thu hồi diện tích đất 1.518,2m<sup>2</sup> đối với ông Lê Hoàng K, rút yêu cầu hủy Quyết định 3094/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông K. Còn lại yêu cầu hủy Quyết định 2459/QĐ-UBND, ngày 31/8/2006 về việc thu hồi diện tích đất 47.371,63m<sup>2</sup> đối với ông Nguyễn Văn Ch để thực hiện dự án tái định cư tại ấp S, xã D1. Đồng thời, nếu UBND huyện P (nay là thành phố P) tiếp tục thực hiện Dự án thì ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông Ch, bà L cho đúng diện tích đất thực tế của ông Ch và ban hành quyết định bồi thường hỗ trợ theo quy định cho ông Ch.

*Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người đại diện cho người bị kiện ông Trần Chiến Th trình bày ý kiến tại biên bản đối thoại ngày 07/01/2022:*

Do người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện nên UBND thành phố P chưa có ý kiến chính thức, sẽ có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà L gửi cho Tòa án sau. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, UBND thành phố P vẫn chưa có văn bản ý kiến về việc khởi kiện của ông Ch, bà L.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng K vắng mặt không có ý kiến trình bày.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị V có ý kiến tại biên bản đối thoại ngày 04/01/2021: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà L thì bà không đồng ý, phần đất nào đã cho và phần nào vợ chồng bà khai khẩn năm 1994 thì đề nghị bồi thường cho vợ chồng bà.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Thái Văn A đại diện cho người khởi kiện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu đối với yêu cầu hủy Công văn số 234/UBND-NCPC ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện P; rút yêu cầu đối với hủy Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi diện tích đất 1.518,2m<sup>2</sup> đối với ông Lê Hoàng K, rút yêu cầu hủy Quyết định 3094/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông K. Chỉ yêu cầu hủy Quyết định 2459/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 về việc thu hồi diện tích đất 47.371,63m<sup>2</sup> đối với ông Nguyễn Văn Ch để thực hiện Dự án tái định cư tại ấp S, xã D1. Đồng thời, nếu UBND huyện P (nay là thành phố P) tiếp tục thực hiện dự án thì ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông Ch, bà L cho đúng diện tích đất thực tế của ông Ch và ban hành quyết định bồi thường hỗ trợ theo quy định cho ông Ch.

Ông Trần Chiến Th đại diện cho người bị kiện có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến.

Ông V đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng K và bà Võ Thị V thống nhất yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 2459/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 về việc thu hồi diện tích đất 47.371,63m<sup>2</sup> đối với ông Nguyễn Văn Ch để thực hiện Dự án tái định cư tại ấp S, xã D1, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm*

2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 173, Điều 193, Điều 194 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 38, Điều 42 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch và bà Đặng Thị Hồng L.

Hủy Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện (nay thành phố) P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn Ch.

2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch, bà Đặng Thị Hồng L về việc yêu cầu hủy Công văn số 234/UBND-NCPC ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện P; Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi diện tích đất 1.518,2m<sup>2</sup> đối với ông Lê Hoàng K; Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/5/2022, UBND thành phố P có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện (nay thành phố) P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh Quyết định số 2459/QĐ-UBND.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận*

*định:*

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của UBND thành phố P làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện UBND thành phố P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng K, bà Võ Thị V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn Ch, bà Đặng Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện (nay thành phố) P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn Ch; Công văn số 234/UBND-NCPC ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện P; Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi diện tích đất 1.518,2m<sup>2</sup> đối với ông Lê Hoàng K; Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ch, bà L đã rút yêu cầu khởi kiện đối với Công văn số 234/UBND-NCPC, Quyết định số 3691/QĐ-UBND, Quyết định số 3094/QĐ-UBND. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện này là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 2459/QĐ-UBND của người khởi kiện:

Thực hiện Dự án tái định cư ấp S, xã D1, ngày 31/8/2006, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2459/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 47.371,63m<sup>2</sup> đối với ông Nguyễn Văn Ch.

Ông Nguyễn Văn Ch cho rằng trước đây canh tác, sử dụng diện tích đất 56.000m<sup>2</sup> (ngang 280, dài 174,4m<sup>2</sup>) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Đ (nay ấp S), xã D1, huyện P, tỉnh Kiên Giang, được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa xanh theo giấy vào sổ số I00724.QĐ/PQ ngày 05/02/1996. Ngày 31/5/2002, vợ chồng ông Ch, bà L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ch với diện tích 29.999,3m<sup>2</sup> (174m chiều ngang x 172,41m chiều sâu) và đã được chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của ông Ch, bà L còn lại 26.000,7m<sup>2</sup>, ông Ch, bà L ủy quyền cho ông Lê Hoàng K là cậu ruột sử dụng theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2002. UBND huyện P thu hồi đất của ông nhưng không thông báo cho ông được biết; đồng thời lên phương án bồi thường cho ông Lê Văn Kiếm, bà Võ Thị V là không đúng.

Ông Lê Văn Kiếm và bà Võ Thị V trình bày ngoài phần diện tích đất ông Ch ủy quyền lại cho vợ chồng ông bà quản lý, sử dụng thì vợ chồng ông bà còn

khai phá thêm phần đất khác khoảng 20.000m<sup>2</sup> nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 2459/QĐ-UBND là của ông K, bà V nhưng lại ghi tên ông Ch là gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà.

Xét thấy, diện tích đất của ông Ch, bà L sau khi chuyển nhượng cho ông Chèo chỉ còn lại 26.000,7m<sup>2</sup>, đã được UBND huyện P cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện P ban hành Quyết định số 2459/QĐ-UBND thu hồi của ông Ch với diện tích 47.371,63m<sup>2</sup> là không đúng với diện tích đất thực tế còn lại của ông Ch. Khi thu hồi đất, UBND huyện P nhưng không thông báo cho ông Ch biết và sau khi ban hành quyết định thu hồi đất không tổng đạt cho ông Ch là vi phạm Điều 42 Luật đất đai năm 2003. Ngoài ra, UBND huyện P lập danh sách chi tiền kèm theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2550/QĐ-UBND ghi tên người được nhận bồi thường ông Lê Hoàng K là không đúng với đối tượng bị thu hồi đất tại Quyết định số 2459/QĐ-UBND.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà L, hủy Quyết định số 2459/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. UBND thành phố P kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ gì mới; Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố P.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch và bà Đặng Thị Hồng L.

Hủy Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện (nay thành phố) P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn Ch.

2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch, bà Đặng Thị Hồng L về việc yêu cầu hủy Công văn số 234/UBND-NCPC ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện P; Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi diện tích đất 1.518,2m<sup>2</sup> đối với ông Lê Hoàng K; Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông K.

3/. Án phí hành chính sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ch, bà Đặng Thị Hồng L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009407 ngày 20/10/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng.

4/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007245 ngày 25/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang vào phần án phí phải chịu; đương sự đã thực hiện xong.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- ĐS (6);
- Lưu VP (3), HS (2).16b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**